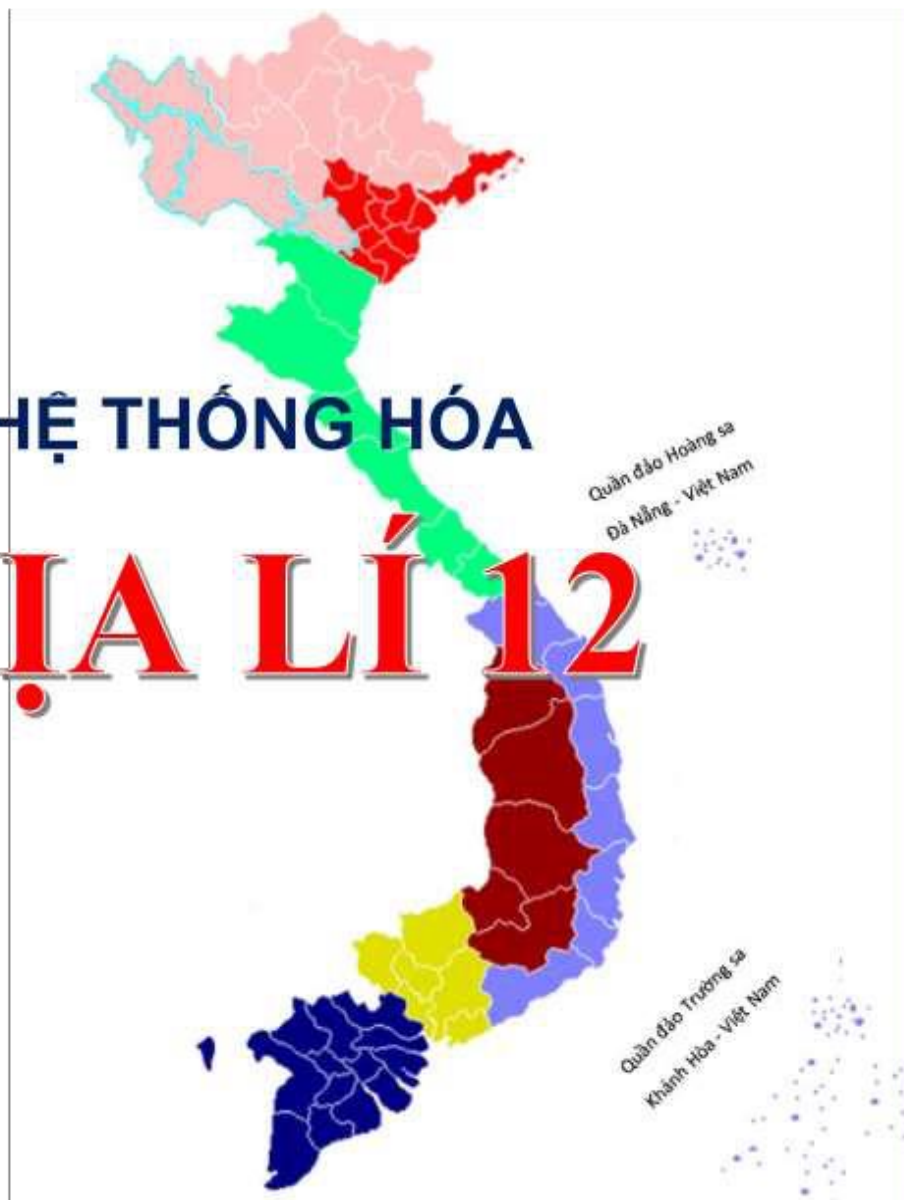


SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT MARIE CURIE
TỔ ĐỊA LÍ



HỆ THỐNG HÓA
ĐỊA LÍ 12



HỌ TÊN HỌC SINH:

LỚP:

Năm học 2021 – 2022
Tài liệu lưu hành nội bộ

ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

Bài 2. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

- Việt Nam nằm ở rìa đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.
- Hệ tọa độ địa lý:

Điểm cực	Vĩ độ, kinh độ	Địa giới hành chính
Bắc	23°23' B	xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang
Nam	8°34' B	xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
Tây	102°09' Đ	xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên
Đông	109°24' Đ	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa

- Việt Nam vừa gắn liền với lục địa Á - Âu, vừa giáp biển Đông, nằm trong **múi giờ số 7**.

2. PHẠM VI LÃNH THỔ

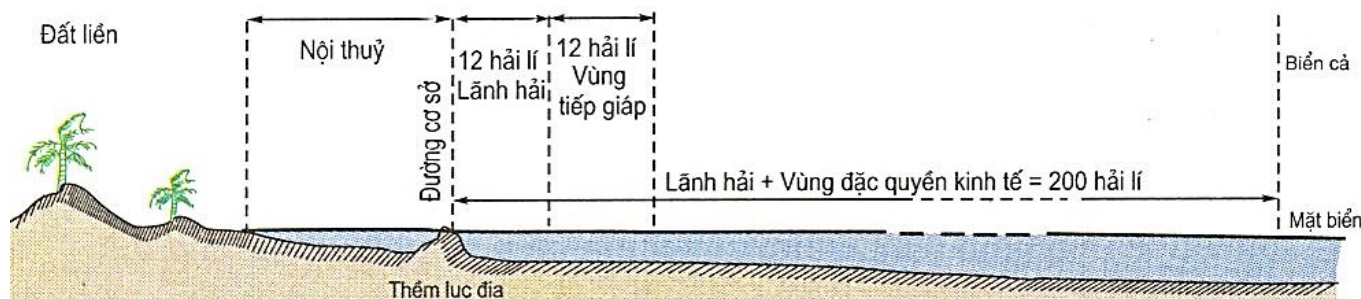
Là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm **vùng đất, vùng biển và vùng trời**.

a. Vùng đất

- $S_{\text{đất liền}} + S_{\text{đảo}} = 331.212 \text{ km}^2$ (năm 2006).
- Đường biên giới: Trung Quốc (1400km), Lào (2100km), Campuchia (1100km). Phần lớn biên giới ở vùng núi → Thông thương với các nước thuận lợi ở một số cửa khẩu.
- Đường bờ biển dài 3260km (từ Móng Cái/Quảng Ninh đến Hà Tiên/Kiên Giang) với 28 tỉnh thành giáp biển → Tạo điều kiện khai thác tiềm năng to lớn của Biển Đông.
- Hơn 4000 đảo lớn nhỏ, 2 quần đảo xa bờ: Hoàng Sa (Đà Nẵng), Trường Sa (Khánh Hòa).

b. Vùng biển

- Tiếp giáp vùng biển của 8 nước: Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Brunei, Singapore, Malaysia, Thái Lan, Campuchia.



- Gồm 5 bộ phận:
 - + **Nội thủy**: phía trong đường cơ sở (được xem như đất liền trên biển).
 - + **Lãnh hải**: rộng 12 hải lý từ đường cơ sở (chủ quyền quốc gia, biên giới quốc gia biển).
 - + **Vùng tiếp giáp lãnh hải**: rộng 12 hải lý từ rìa ngoài lãnh hải (thực hiện chủ quyền quốc gia của nước ven biển).
 - + **Vùng đặc quyền kinh tế**: rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở (nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được tự do hoạt động hàng hải, hàng không, đặt ống dẫn dầu, cáp quang,...).
 - + **Thềm lục địa**: phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển có độ sâu 200m (nước ta có chủ quyền thăm dò, khai thác và quản lý các nguồn tài nguyên).
- Như vậy diện tích vùng biển nước ta khoảng **1 triệu km²**.

c. Vùng trời: là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta.

3. Ý NGHĨA CỦA VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VIỆT NAM

a. Ý nghĩa tự nhiên

- Nằm trong vùng nội chí tuyến (có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh) → Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Nằm liền kề vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải → tài nguyên khoáng sản phong phú.

- Nằm trên luồng di lưu và di cư của sinh vật → sinh vật đa dạng.

- Khó khăn: thường xảy ra thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán...).

b. Ý nghĩa KT, VH – XH và quốc phòng

- **Về kinh tế:**

- Gắn liền với lục địa Á - Âu, tiếp giáp Biển Đông

→ Cầu nối giữa lục địa Á - Âu với lục địa Australia; ở giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

→ Nằm ở ngã tư hàng hải và hàng không quốc tế thuận lợi giao lưu kinh tế.

- Tiếp giáp Trung Quốc, Lào, Campuchia

→ Là cửa ngõ thông ra biển của Lào, Đông Bắc Thái Lan và Campuchia, Tây Nam Trung Quốc.

→ Giao lưu kinh tế, thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập, thu hút đầu tư nước ngoài.

- **Về VH – XH:** Vị trí có nhiều nét tương đồng tạo điều kiện cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực ĐNÁ.

- **Về chính trị - quốc phòng:** Có vị trí đặc biệt quan trọng ở ĐNÁ. Đặc biệt, biển Đông đối với nước ta là một hướng chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

PHẦN GHI CHÚ

*** PHẦN TRẮC NGHIỆM LUYỆN TẬP**

Câu 1. Nước Việt Nam nằm ở

A. bán đảo Mã Lai, vùng nhiệt đới.

C. gần trung tâm của Đông Nam Á.

B. phía đông của Thái Bình Dương.

D. rìa đông Châu Á, khu vực ôn đới.

Câu 2. Điểm cực Bắc của nước ta nằm ở xã

A. Đất Mũi.

B. Vạn Thạnh.

C. Lũng Cú.

D. Sín Thầu.

Câu 3. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất toàn vẹn, bao gồm:

A. vùng đất, vùng biển, vùng trời.

C. vùng núi, đồng bằng, vùng biển.

B. vùng đất, vùng biển, vùng sông.

D. vùng đất, vùng biển, vùng núi.

Câu 4. Việt Nam **không** có chung đường biên giới trên đất liền với

A. Trung Quốc.

B. Thái Lan.

C. Lào.

D. Campuchia.

Câu 5. Phần lớn biên giới trên đất liền nước ta nằm ở khu vực

A. đồng bằng.

B. miền núi.

C. gò đồi.

D. cao nguyên.

Câu 6. Đường bờ biển nước ta chạy từ Quảng Ninh đến

A. Cà Mau.

B. Bạc Liêu.

C. Sóc Trăng.

D. Kiên Giang.

Câu 7. Quốc gia nào sau đây **không** giáp Biển Đông?

A. Trung Quốc.

B. Philippine.

C. Lào.

D. Campuchia.

Câu 8. Thứ tự các vùng biển của nước ta tính từ bờ trở ra là

A. nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.

B. nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.

C. nội thủy, vùng đặc quyền kinh tế, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải.

D. nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 9. Vùng biển được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền là

A. lãnh hải.

B. nội thủy.

C. tiếp giáp lãnh hải.

D. đặc quyền kinh tế.

Câu 10. Vùng tiếp giáp đất liền, ở phía trong đường cơ sở là

A. đặc quyền kinh tế.

B. lãnh hải.

C. nội thủy.

D. tiếp giáp lãnh hải.

Câu 11. Ranh giới ngoài của lãnh hải chính là

A. đường biên giới quốc gia.

B. đường biên giới quốc gia trên biển.

C. đường tiếp giáp với vùng biển quốc tế.

D. đường tiếp giáp với bờ biển của nước khác.

Câu 12. Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, rộng 12 hải lí được gọi là

- A. nội thủy. B. lãnh hải. C. tiếp giáp lãnh hải. D. đặc quyền kinh tế.

Câu 13. Vùng tiếp giáp với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở, được gọi là

- A. đặc quyền kinh tế. B. nội thủy. C. tiếp giáp lãnh hải. D. thềm lục địa.

Câu 14. Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên có

- A. nhiều khoáng sản. B. nền nhiệt độ cao. C. nhiều sinh vật quý. D. thực vật xanh tốt.

Câu 15. Do chịu ảnh hưởng của biển nên thảm thực vật nước ta

- A. xanh tốt quanh năm. B. đa dạng về loài. C. đa dạng về gen. D. có nhiều tầng cây.

Câu 16. Tài nguyên sinh vật nước ta vô cùng phong phú là do nước ta nằm

- A. ở vị trí tiếp giáp giữa hai lục địa và hai đại dương.
B. liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.
C. liền kề với vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.
D. trên đường di cư của nhiều loài động vật, thực vật.

Câu 17. Lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ nên tự nhiên nước ta có sự phân hóa rõ rệt

- A. giữa miền Bắc với miền Nam. B. giữa đất liền và biển đảo.
C. giữa miền núi với đồng bằng. D. giữa đồi núi với ven biển.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí của nước ta?

- A. Nằm trong vùng nhiệt đới Bắc bán cầu. B. Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai.
C. Nằm trong vành đai động đất, núi lửa. D. Nằm trong khu vực gió mùa Châu Á.

Câu 19. Phát biểu nào sau đây đúng về ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta đến kinh tế?

- A. Nằm ở khu vực nhạy cảm với các biến động chính trị.
B. Có nhiều nét tương đồng với các nước trong khu vực.
C. Nằm trên ngã tư đường hàng hải, hàng không quốc tế.
D. Có mối giao lưu lâu đời với nhiều nước trong khu vực.

Câu 20. Nằm trên đường ngã tư hàng hải và hàng không quốc tế nên nước ta có điều kiện thuận lợi để

- A. giao lưu kinh tế với các nước khác. B. chung sống hòa bình với các nước.
C. trở thành trung tâm của khu vực. D. phát triển nhanh hơn các nước khác.

Bài 6 + 7. ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỊA HÌNH

a. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp

- Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ, đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích.
- Đồng bằng và đồi núi thấp (dưới 1000m) chiếm 85% diện tích, núi cao (trên 2000m) chiếm 1% diện tích cả nước.

b. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng

- Địa hình nước ta được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt.
- Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.
- Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính:
 - + Hướng tây bắc – đông nam: từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.
 - + Hướng vòng cung: vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Nam.

c. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa (sẽ học kĩ ở bài 10)

Xâm thực ở miền đồi núi và bồi tụ ở miền đồng bằng hạ lưu sông.

d. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người: cảnh quan đê điều, kênh đào, ruộng bậc thang...

2. CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH

a. Khu vực đồi núi: chia thành 4 vùng: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

* Vùng núi Đông Bắc, vùng núi Tây Bắc:

YẾU TỐ	VÙNG NÚI ĐÔNG BẮC	VÙNG NÚI TÂY BẮC
Giới hạn	Phía Đông thung lũng sông Hồng.	Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
Địa hình	Núi thấp chiếm phần lớn.	Địa hình cao nhất nước.
Hướng núi	Hướng vòng cung.	Hướng Tây Bắc – Đông Nam.
Cấu trúc	- Có 4 cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo, mở ra về phía Bắc và Đông. - Các thung lũng sông cùng hướng: Sông Cầu, Sông Thương, Sông Lục Nam,...	Gồm 3 dải địa hình: - Phía Đông là dãy Hoàng Liên Sơn. - Phía Tây là núi trung bình dọc biên giới Việt – Lào. - Ở giữa là các dãy núi xen các sơn nguyên, cao nguyên, đá vôi. - Xen giữa các dãy núi là các thung lũng sông (Sông Đà, Sông Mã, Sông Chu...)
Hướng nghiêng	- Thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. - Những đỉnh núi cao trên 2000m ở thượng nguồn sông Chảy, giáp biên giới Việt – Trung: khối núi đá vôi. - Trung tâm là vùng đồi núi thấp 500 – 600m.	- Thấp dần về phía Tây.

* Vùng núi Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam

YẾU TỐ	TRƯỜNG SƠN BẮC	TRƯỜNG SƠN NAM
Giới hạn	Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.	Phía Nam dãy Bạch Mã đến khoảng vĩ tuyến 11°B.
Đặc điểm	- Gồm các dãy núi song song và so le theo hướng TB – ĐN. - Thấp và hẹp ngang, cao ở 2 đầu, trũng ở giữa: + Phía bắc: Vùng núi Tây Nghệ An. + Phía nam: Vùng núi Tây TT Huế. + Ở giữa thấp trũng là vùng đá vôi Quảng Bình và đồi núi thấp Quảng Trị. - Mạch núi cuối cùng là dãy Bạch Mã: ranh giới giữa Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.	- Gồm các khối núi và cao nguyên. - Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ. - Nghiêng dần về phía Đông với đỉnh núi cao > 2000m bên dải đồng bằng hẹp ven biển. - Phía Tây là các cao nguyên badan cao khoảng từ 500 – 1000m: Play Ku, Đắc Lắc, Mơ Nông, Di Linh tương đối bằng phẳng → Tạo nên sự bất đối xứng giữa 2 sườn Đông – Tây của địa hình Trường Sơn Nam.

*** Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du:**

- Bán bình nguyên: ở Đông Nam Bộ với các bậc thềm phù sa cổ cao 100m và bề mặt phủ badan ở độ cao 200m.
- Dải đồi trung du rộng nhất ở rìa Bắc và phía Tây đồng bằng sông Hồng, thu hẹp ở rìa đồng bằng ven biển miền Trung.

b. Khu vực đồng bằng: Đồng bằng nước ta chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích lãnh thổ, chia làm 2 loại: Đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển.

YẾU TỐ	ĐB SÔNG HỒNG	ĐB SÔNG CỬU LONG	ĐB VEN BIỂN
Diện tích	Diện tích: 15.000 km ²	Diện tích: 40.000 km ²	Diện tích: 15.000 km ²
Nguồn gốc	Được bồi tụ phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.	Được bồi tụ phù sa của hệ thống sông Mê Công.	Do phù sa sông, biển bồi đắp (đóng vai trò chủ yếu).
Địa hình	- Địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển. - Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô nhỏ.	- Địa hình thấp và bằng phẳng. + Mùa lũ: nước ngập trên diện rộng. + Mùa cạn: nước triều lấn mạnh. - Có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.	- Đồng bằng hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều ĐB nhỏ. - Có sự phân chia thành 3 dải: giáp biển là cồn cát, đầm phá; giữa là vùng thấp trũng; dải trong cùng được bồi tụ thành ĐB.
Đất đai	- Đất trong đê không được bồi tụ phù sa gồm các ruộng cao bạc màu và các ô trũng ngập nước. - Đất ngoài đê được bồi tụ phù sa hàng năm.	- Được phù sa bồi tụ hàng năm nên rất màu mỡ. - Do đồng bằng thấp và ảnh hưởng biển nhiều nên 2/3 diện tích đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.	Đất nghèo mùn, nhiều cát, ít phù sa sông.

3. THẾ MẠNH VÀ HẠN CHẾ VỀ TỰ NHIÊN CỦA CÁC KHU VỰC ĐỒI NÚI VÀ ĐỒNG BẰNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

KHU VỰC ĐỊA HÌNH	KHU VỰC ĐỒI NÚI	KHU VỰC ĐỒNG BẰNG
Thế mạnh	+ Khoáng sản: Nhiều loại → thuận lợi phát triển công nghiệp đa ngành. + Thủy năng: sông dốc, nhiều nước, nhiều hồ chứa... → có tiềm năng thủy điện lớn. + Rừng: chiếm phần lớn diện tích → phát triển lâm – nông nghiệp nhiệt đới, cân bằng môi trường sinh thái, hạn chế thiên tai. + Đất trồng: đa dạng → thuận lợi hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp. + Nhiều đồng cỏ: thuận lợi chăn nuôi đại gia súc. + Du lịch: điều kiện địa hình, khí hậu, rừng, môi trường sinh thái... → thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tham quan...	- Là cơ sở phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa các loại nông sản. - Cung cấp thủy sản, khoáng sản, lâm sản. - Có điều kiện tập trung dân cư, các thành phố, khu công nghiệp, trung tâm thương mại. - Phát triển GTVT đường bộ, đường sông.
Hạn chế	- Địa hình hiểm trở, bị chia cắt mạnh → gây trở ngại cho giao thông, khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các vùng. - Thường xuyên xảy ra nhiều thiên tai: lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, lở đất, sương muối, mưa đá, rét hại, động đất... → gây thiệt hại lớn cho SX và đời sống dân cư.	Thường xảy ra bão, lũ lụt, hạn hán,... gây thiệt hại lớn.

* PHẦN TRẮC NGHIỆP LUYỆN TẬP

D. Địa hình núi cao chiếm diện tích lớn.

D. tây nam - đông bắc và vòng cung.

D. dây Trường Sơn Bắc.

D. Có đồng bằng châu thổ và đồng bằng duyên hải.

D. Ở trung tâm của khu vực là vùng núi thấp.

D. địa hình trũng, thấp và hẹp ngang.

D. Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.

D. các bán bình nguyên xen đồi.

D. Hệ thống đỉnh núi nhiều hơn.

D. Trường Sơn Nam.

D. Trường Sơn Bắc.

D. khu vực Đông Nam Bộ.

D. Có nhiều sơn nguyên và cao nguyên cao

C. đồng bằng ven biển và đồng bằng giữa núi.

D. các đồng bằng thấp và các đồng bằng cao.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây đúng về địa hình đồng bằng sông Hồng?

- A. Thấp trũng ở phía tây và cao ở phía đông. B. Cao ở phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.
C. Cao ở phía tây, nhiều ô trũng ở phía đông. D. Cao tây bắc và tây nam, trũng ở phía đông.

Câu 16. Bề mặt đồng bằng sông Hồng

- A. bị chia cắt thành nhiều ô nhỏ. B. không còn được bồi tụ phù sa.
C. không các ô trũng ngập nước. D. diện tích đất mặn và phèn lớn.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Được bồi đắp phù sa hàng năm. B. Diện tích rộng hơn 15.000 km².
C. Hệ thống sông, kênh chằng chịt. D. Địa hình khá thấp, bằng phẳng.

Câu 18. Đặc điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đồng bằng châu thổ phù sa sông. B. diện tích đất phèn, đất mặn rất lớn.
C. hệ thống đê ven sông ngăn lũ dài. D. hệ thống sông và kênh chằng chịt.

Câu 19. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dải đồng bằng duyên hải miền Trung?

- A. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ. B. Đất nghèo dinh dưỡng, ít phù sa sông.
C. Tây sang đông gồm có ba dải địa hình. D. Có diện tích lớn, mở rộng về phía biên.

Câu 20. Các dải địa hình ở nhiều đồng bằng duyên hải miền Trung lần lượt từ đông sang tây thường

- A. cồn cát, đầm phá; vùng thấp trũng; đồng bằng đã được bồi tụ.
B. cồn cát, đầm phá; đồng bằng đã được bồi tụ; vùng thấp trũng.
C. đầm phá, cồn cát; các vùng thấp trũng và đồng bằng chân núi.
D. đồng bằng đã được bồi tụ; vùng trũng thấp; cồn cát, đầm phá.

Câu 21. Khoáng sản nào sau đây **không** có khu vực đồi núi nước ta?

- A. Đồng. B. Chì. C. Than đá. D. Dầu mỏ.

Câu 22. Thế mạnh nào sau đây **không** nổi bật ở khu vực đồi núi nước ta?

- A. Có nguồn thủy năng dồi dào. B. Tiềm năng du lịch phong phú.
C. Cơ sở phát triển lâm nghiệp. D. Thuận lợi trồng cây lương thực.

Câu 23. Thế mạnh chủ yếu của đồng bằng nước ta **không** phải là

- A. phát triển các loại nông sản.
B. cung cấp thủy sản, lâm sản.
C. nguồn khoáng sản phong phú.
D. giao thông đường thủy phát triển.

Câu 24. Các đồng bằng nằm ở ven biển cực Nam Trung Bộ là

- A. Khánh Hòa, Phú Yên. B. Quảng Nam, Bình Thuận.
C. Ninh Thuận, Quảng Ngãi. D. Bình Thuận, Bình Định.

Câu 25. Thiên tai bất thường, khó phòng tránh, thường xuyên hàng năm đe dọa, gây hậu quả nặng nề cho vùng ven biển nước ta là

- A. sạt lở. B. cát bay, cát chảy. C. bão. D. động đất

Bài 8. THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

1. KHÁI QUÁT VỀ BIỂN ĐÔNG

- Là một biển rộng, diện tích 3,477 triệu km², biển tương đối kín.
- Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và khép kín được thể hiện qua các yếu tố hải văn và sinh vật biển.

→ Các đặc điểm trên của Biển Đông ảnh hưởng mạnh mẽ đến thiên nhiên phần đất liền và làm cho thiên nhiên nước ta có sự thống nhất giữa phần đất liền và vùng biển.

2. ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂN ĐÔNG ĐẾN THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

a. Khí hậu

- Biển Đông mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn.
- Làm giảm tính chất khắc nghiệt lạnh khô trong mùa đông. Làm dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.
- Nhờ Biển Đông, khí hậu Việt Nam mang đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hòa hơn.

b. Địa hình và các hệ sinh thái vùng ven biển

- Các dạng địa hình ven biển nước ta đa dạng: vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn, tam giác châu có bãi triều rộng, bãi cát phẳng, đầm phá, cồn cát, các vũng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ và những rạn san hô...
- Các hệ sinh thái (HST) vùng ven biển rất đa dạng và giàu có:
 - + HST rừng ngập mặn (thứ 2 trên thế giới) cho năng suất sinh học cao, đặc biệt là sinh vật nước lợ.
 - + Các HST trên đất phèn và HST rừng trên các đảo cũng rất đa dạng và phong phú.

c. Tài nguyên thiên nhiên vùng biển

* Khoáng sản

- Có trữ lượng lớn nhất và giá trị nhất là dầu khí đang được khai thác. Hai bể dầu lớn nhất đang được khai thác: Nam Côn Sơn và Cửu Long.
- Các bãi cát ven biển có trữ lượng lớn titan.
- Ven biển thuận lợi cho nghề muối, nhất là ven biển Nam Trung Bộ.

* Hải sản:

- Sinh vật Biển Đông giàu thành phần loài và có năng suất cao, nhất là ven bờ.
- Ven các đảo, nhất là 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có các rạn san hô cùng với đông đảo các loài sinh vật khác.

→ Với nguồn tài nguyên thiên nhiên và những điều kiện tự nhiên thuận lợi, Biển Đông đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của đất nước ta.

d. Thiên tai

- Bão: mỗi năm trung bình 3 – 4 cơn bão trực tiếp đổ vào nước ta. Bão kèm theo mưa lớn, sóng lừng, nước dâng gây lũ lụt thiệt hại nặng nề cho dân cư ven biển.
- Sạt lở bờ biển: đã và đang đe dọa nhiều đoạn bờ biển nước ta, nhất là dải bờ biển Trung Bộ.
- Hiện tượng cát bay, cát chảy: lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc và làm hoang mạc hóa đất đai ở vùng ven biển miền Trung.

→ Chiến lược khai thác tổng hợp, phát triển kinh tế biển: Sử dụng hợp lý nguồn lợi thiên nhiên, phòng chống ô nhiễm biển, thực hiện những biện pháp phòng chống thiên tai,...

PHẦN GHI CHÚ

* PHẦN TRẮC NGHIỆM LUYỆN TẬP

Câu 1. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Biển Đông?

- | | |
|--|---|
| A. Là một vùng biển rộng và tương đối kín. | B. Giáp với lục địa ở phía tây và phía bắc. |
| C. Có các vòng cung đảo phía nam và đông. | D. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới khô. |

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

- | | |
|--|--|
| A. Tăng độ ẩm của các khối khí qua biển. | B. Giảm bớt tính khắc nghiệt vào mùa đông. |
|--|--|

C. Góp phần vào việc làm điều hòa khí hậu. D. Tăng cường tính đa dạng sinh học nước ta.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hệ sinh thái rừng ngập mặn ở nước ta?

- A. Có nhiều loài cây gỗ quý. B. Cho năng suất sinh học cao.
C. Giàu tài nguyên động vật. D. Phân bố ở khu vực ven biển.

Câu 4. Khí hậu nước ta mang đặc tính hải dương là nhờ vào

- A. biển rộng, nhiệt độ cao và biến động theo mùa.
B. biển rộng, nhiệt độ cao và có nhiều dòng hải lưu.
C. biển rộng, nhiệt độ cao và chế độ triều phức tạp.
D. biển rộng, nhiệt độ cao và biến tương đối kín.

Câu 5. Vịnh Cam Ranh thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

- A. Đà Nẵng. B. Bình Định. C. Khánh Hòa. D. Phú Yên.

Câu 6. Dọc ven biển, nhiệt độ cao, nhiều nắng, ít sông đổ ra biển rất thuận lợi cho nghề

- A. khai thác thủy sản. B. làm muối. C. nuôi trồng thủy sản. D. chế biến thủy sản.

Câu 7. Hai bể dầu khí lớn nhất hiện nay đang khai thác ở thềm lục địa nước ta là

- A. Nam Côn Sơn, Cửu Long. B. Thổ Chu - Mã Lai, Cửu Long.
C. Sông Hồng, Cửu Long. D. Nam Côn Sơn, Thổ Chu - Mã Lai.

Câu 8. Vùng biển nước ta thường xảy ra các loại thiên tai nào sau đây?

- A. Bão, sạt lở bờ biển, động đất. B. Cát bay, động đất, sạt lở bờ biển.
C. Sạt lở bờ biển, bão, sóng thần. D. Bão, sạt lở bờ biển; cát bay, cát chảy.

Câu 9. Biển Đông nằm trong vùng nội chí tuyến, nên có đặc tính là

- A. độ mặn không lớn. B. nóng, lượng ẩm cao.
C. nhiều dòng hải lưu. D. biến tương đối lớn.

Câu 10. Hiện tượng cát bay, cát chảy thường xảy ra phổ biến ở vùng biển

- A. miền Bắc. B. miền Trung. C. Đông Nam Bộ. D. Tây Nam Bộ.